

PHẨM SƯ TỬ HỔNG (PHẦN 6)

Bắt đầu là phần thứ tư của quyển là khuyên tu, văn có hai đoạn; một là nêu pháp để khuyên tu; hai là nêu người để khuyên tu. Trong đoạn nêu pháp, trước hỏi sau đáp. Hỏi có ba ý: Một là hỏi về có năng lực của Phật tánh, nên lẽ ra đồng được Niết-bàn, đâu có sáu đường khác nhau? Hai, là hỏi có Phật tánh, lẽ ra tự được Bồ-đề, đâu cần tu đạo? Ba, là hỏi đã có Phật tánh tức chẳng thể hấp thu được Bồ-đề? Câu hỏi thứ nhất, trước là lãnh chỉ, sau là hỏi.

Từ câu: “Bạch Thế Tôn! v.v...” trở xuống là câu hỏi thứ hai, gồm có bốn ý là lãnh chỉ, lập dụ, hợp dụ và kết luận câu hỏi.

Từ câu: “Nếu Nhất-xiển-đề v.v...” trở xuống là câu hỏi thứ ba, gồm có pháp, dụ và hợp.

Phật đáp có hai là chánh đáp và tổng kết. Phần chánh đáp có bốn: một, trả lời câu hỏi về đều được Niết-bàn; hai, là trả lời câu thu hút Bồ-đề; ba là trả lời câu hỏi chẳng tu tập Thánh đạo; bốn là trả lời lại câu hỏi về thu hút.

Câu trả lời đầu tiên có dụ, hợp và kết. Trong dụ trước nêu chung đại ý, như bên sông có bảy người đẩy đủ tay chân, nhưng có người qua được, có người không qua được. Kế là nêu riêng bảy người, đầu tiên nêu riêng bảy người, hai người đầu dụ cho ngoại phàm, một người kế là nội phàm, bốn người sau là bậc Thánh. Ngoại phàm một là hạng Xiển-đề cực ác, và một người sắp được nhập mà lui sụt nên nói là hai người. Hàng nội phàm có năm phương tiện, nhưng đều kể là một, vì tuy có hơn kém nhau, nhưng đều chưa phá chân. Bậc Thánh gồm có bốn, tức Thanh Văn chưa phá trừ tập khí, Duyên giác đã phá trừ tập khí, Bồ-tát đã phá trừ tập khí, lại giáo hóa chúng sinh, Phật thì tập khí đã dứt hết. Nếu không giải thích như thế thì không có cách nào khác hơn. Ở trên nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, vì sao không đều được Niết-bàn? Vì muốn hiểu rõ nên lại lập dụ một con sông và bảy người khác nhau. Kinh này trước sau có nói về sáu con sông lớn đó là: Sông sinh tử, sông Niết-bàn, sông phiền não, sông Phật tánh, sông pháp thiện, sông pháp ác; từng cặp đối đãi nhau. Như sinh tử thì nói là ra khỏi, chẳng ra khỏi; Niết-bàn thì nói là được nhập, chẳng được nhập; phiền não thì nói là dứt và chẳng dứt; Phật tánh thì nói là thấy và chẳng thấy; pháp ác thì nói là lìa bỏ và chẳng lìa bỏ; pháp thiện thì nói là cùng cực và chẳng cùng cực. Trong đây chính là muốn dùng sông Hằng dụ cho sinh tử. Trong phẩm Ca-diếp, Đại Niết-bàn được dụ cho sông, trong sông có bảy hạng

người khai hợp khác nhau. Phẩm này nói bảy hạng người, phẩm sau nói bảy hạng chúng sinh. Ở đây hợp bốn quả thành một người thứ tư, chia Ba thừa thành ba hạng người. Phẩm sau chia bốn quả thành bốn hạng người, hợp Bích-chi-Phật, Bồ-tát và chư Phật thành người thứ bảy. Đến văn sau sẽ phân biệt rõ.

Nói tám gôi dụ cho người xuất gia thọ giới, tự thân thanh tịnh. Sự cướp biển là dụ cho phiền não; hái hoa có hai cách giải thích: một, cho là hoa thất tịnh, tức là cầu nhân; hai, cho rằng là đạo đi trong hoa giác, tức là cầu quả.

Người xuất gia lẽ ra phải ra khỏi dòng sông, nhưng ở đây nói vào là muốn nói sinh tử Niết-bàn không khác nhau, phải ở trong sinh tử mà cầu Niết-bàn.

Từ câu: “Người thứ nhất, v.v...” trở xuống là nêu riêng bảy người.

Người chìm thứ nhất là Xiển-đề, do nhân thiện ở quá khứ đã kém, hiện tại lại chẳng tu nên nói là chẳng biết bơi. Người thứ hai sắp vào được mà lại lui sụt, nói thân có sức mạnh tức nhân thiện quá khứ sâu dày, nhưng đời này chẳng tu tập, nên gọi là chẳng biết bơi, cắt đứt gốc thiện. Người thứ ba nổi lên và trụ vững dụ cho hàng Nội phàm; nói chìm rồi nổi tức là ngày xưa đã chìm. Người thứ tư là bốn quả dụ cho bốn phương; văn sau dùng dụ bốn phương với bốn đế chứ chẳng phải dùng dụ này. Văn kinh lại ghi: “Vì chẳng chỗ nào thoát ra nên quan sát phương hướng”, vì xưa chẳng biết chỗ thoát ra, nên chẳng quán sát, nay đã biết chỗ, nên nói quán sát phương hướng. Vả lại chẳng biết chỗ thoát ra của Đại thừa nên giữ lấy quả Tiểu thừa. Người thứ năm là Bích-chi-Phật, cũng nói quan sát phương hướng, vượt trên bốn quả; vì lợi căn nên chẳng chấp bốn quả, nhưng vì tự chứng cho nên nói là “bơi đi”, còn sợ sinh tử nên nói là “sợ hãi”. Người thứ sáu là Bồ-tát, xuống nước liền bơi đi mà chẳng trụ lại, tức chẳng trụ sinh tử; trụ nơi cạn mỏng, tức tâm an ổn nơi sinh tử; Luận theo tâm nên nói là nơi cạn mỏng. Người thứ bảy là chư Phật.

Từ câu: “Sông lớn sinh tử v.v...” trở xuống là ý thứ hai hợp dụ, trước là hợp thí dụ chung.

Sợ giặc phiền não là hợp với câu: “sợ hãi giặc cướp” ở trước, “nếu phát tâm muốn qua” là hợp với câu “Xuống sông”, “xuất gia cạo tóc” là hợp với tám gôi, thân mặc pháp phục là hợp với việc hái hoa ở dụ trước.

Từ câu: “Đã xuất gia v.v...” trở xuống là hợp với bảy người trong

dụ riêng. Đầu tiên hợp với người thường chìm, tức Nhất-xiển-đề. Ở đây là hợp sơ lược.

Từ câu: “Có sáu nhân duyên v.v...” trở xuống là hợp rộng.

Năm bộ tăng, có hai cách giải thích: một, cho là năm chúng, là nói lỗi của năm chúng; hai, cho là năm bộ luật, sau khi Phật diệt độ hơn một trăm năm, vua A-dục lập đại hội, Thượng tọa Tha-tỳ-la lập nghĩa, đại chúng Ma-ha Tăng-kỳ (Đại chúng bộ) không đồng ý, nên chia làm hai bộ. Về sau Thượng tọa lại chia làm hai bộ là Tuyết Sơn và Tát-bà-đa. Về sau bộ Tuyết Sơn tan rã, còn Tát-bà-đa rất phát triển; bộ Tăng-kỳ thì sinh ra ba bộ là Di-sa-tắc, Đàm-vô-đức và Ca-diếp-di, cộng với Ba-đa và Tăng-kỳ thành năm bộ. Như Lai biết trước về sau các đệ tử tranh nhau luận bàn đúng sai, nên trong kinh Đại Tập đã nêu trước năm bộ, như luận Tông luân đã nói rộng về việc chia thành hai mươi bộ. Việc này chẳng phải là điểm chính ở đây, nên chẳng nêu.

“Người thứ hai v.v...” trở xuống là hợp với nghĩa sắp nhập vào mà lui sụt.

Tức hàng Ngoại phạm cũng có thể cắt đứt gốc thiện mà chẳng đồng như người chìm dưới sông Hằng.

“Người thứ ba v.v...” trở xuống là hợp với hàng Nội phạm trụ vững.

Hai vị Đại, Tiểu đều ở trong đó, há chẳng phải là ba người cùng ở một giai vị trong Thông giáo ư? Nếu giải thích theo nghĩa của Biệt giáo, thì Đại thừa có khác, chẳng thể ba người đồng một vị; Hơn nữa văn kinh có ghi: “Tin Như Lai là Bạc Nhất Thiết Trí thường hằng bất biến, tất cả chúng sinh đều có Phật tánh”. Thuyết khác lại cho rằng đây là Ba thừa, sơ nghiệp (nội phạm của Thông giáo) chẳng mê lầm đối với pháp, như kinh Thắng Man đã nói, có liên quan rất nhiều đến văn này; nếu tin Như Lai là thường trụ bất biến, chúng sinh đều có Phật tánh, thì dường như có ý nghĩa của Biệt giáo dùng tâm Đại Niết-bàn tu hạnh phương tiện vào được Phương tiện vị. Văn sau nói Tu-bạt đắc quả chính là nghĩa này.

Người thứ tư hợp bốn quả thành một vị, tức đã dứt chánh sử mà chưa dứt tập khí; người thứ năm là Bích-chi-Phật chỉ mới dứt trừ ít phần tập khí, người thứ sáu là Bồ-tát dứt trừ phần nhiều tập khí, lại thực hành giáo hóa chúng sinh, người thứ bảy là Phật, tập khí rốt ráo dứt hết. Vì nghĩa này nên phân biệt bốn hạng người khác nhau; Đây là hàng Thông giáo; đã đầy đủ hai văn Kinh và Sở, chẳng nên dùng một giáo để giải thích nghĩa. Nay lập một nghĩa, thì suy ra biết đó chỉ là nghĩa Thông

giáo, nhưng lấy sinh tử phần đoạn làm sông, dùng tâm Đại Niết-bàn phát tâm cầu mong vượt qua, nên có bảy hạng người khác nhau, nhưng đều có nghĩa Phật tánh, đều được thành tựu Niết-bàn; Để trả lời câu hỏi trên phải giải thích như thế.

Từ câu: “Các người v.v...” trở xuống là đoạn thứ ba kết luận, trả lời câu hỏi: lẽ ra đều được Niết-bàn, đầy đủ tay chân là đáp đều có Phật tánh; biết bơi và chẳng biết bơi, qua được chẳng qua được là đáp câu hỏi chẳng đều được Niết-bàn. Vẫn có hai: Đầu tiên nói chẳng tu chẳng được không phải là lỗi của Như Lai; có dụ và hợp như văn kinh đã ghi.

Kế là nói do tu mà được, nêu ba dụ. Thứ nhất là trước dụ sau hợp. Như Lai bình đẳng vì tất cả chúng sinh mà giảng nói phân biệt rộng mười hai thể loại kinh, mà có chúng sinh chẳng chịu thọ nhận, đó chẳng phải là lỗi của Như Lai. Nếu người tu tập Thánh đạo sẽ được Vô thượng Bồ-đề.

Từ câu: “Thầy nói v.v...” trở xuống là đáp câu thứ ba; trước nêu lại câu hỏi để khen và chê.

Nếu có tu tập thì sẽ không nghi ngờ gì, cho nên mới khen; nói chẳng cần tu tập, mà tự nhờ vào tánh để hấp thu thì chẳng đúng, cho nên chê trách.

Từ câu: “Thí như có người v.v...” là dụ thứ hai chánh đáp, có hai: một, là đáp câu nếu tu sẽ được, nêu mức nước giếng để làm dụ.

Giếng dụ cho thân năm ấm, khát nước dụ cho tâm chán khổ tìm vui, giếng sâu dụ cho lý tánh của thân tuy xa chẳng thấy được nhưng chắc chắn là có, mức nước dụ cho việc nhờ tu mà thấy tánh.

Từ câu: “Phật tánh cũng như thế v.v...” trở xuống là hợp dụ.

“Thí như v.v...” trở xuống là dụ cho việc chẳng tu thì chẳng thấy.

Kế là hợp dụ.

Từ câu: “Như thầy nói v.v...” trở xuống là đáp câu hai, có hai ý: trước là quả trách dẫn kinh sai lầm.

Về lục trụ có hai cách giải thích: Một, cho là Lục trụ trong mười trụ; hai, cho là Lục địa trong mười Địa, ở Địa này, Bát-nhã hiện tiền, có nghĩa là tự thiện bệnh. Đức Phật quả trách rằng: Ta nói gặp hay chẳng gặp thì bệnh cũng tự thiện là nói cho Bồ-tát Lục trụ nghe, chứ chẳng nói cho phàm phu, đây là nêu ra chỗ dẫn chứng sai lầm.

Từ câu: “Thí như hư không v.v...” trở xuống là chánh đáp, có ba dụ.

Có người cho rằng ở đây là nêu hư không mà mất thế gian nhìn thấy để làm dụ, có người nói là dùng Không của Chân đế làm dụ, có

người cho rằng đây là Không chẳng trong chẳng ngoài của lý. Trung luận nói: Hư không chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải trong chẳng phải ngoài; đây là dụ cho Phật tánh.

Nói tài sản cất ở một nơi khác, tuy không được hiện dùng, nhưng đi đến đó lấy thì được, dụ cho Phật tánh tuy chưa thấy, nhưng nếu tu thì sẽ thể hội.

Văn kinh có ghi: Tạo nghiệp, tạo dụ cho sơ tâm, nghiệp dụ cho tu tập, quả dụ cho thấy tánh. Trong đây có sáu câu: Chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, chẳng phải có, chẳng phải không, chẳng phải xưa nay không có, chẳng phải không có nhân mà xuất hiện.

Từ câu: “Chẳng phải v.v...” trở xuống là ý thứ hai, nói tu tập thì sẽ được.

Gồm năm câu theo thứ lớp giải thích: một, là chẳng phải thân năm ấm này làm, năm ấm này lãnh thọ quả báo, nếu đây làm đây chịu thì chỉ một ấm, một ấm thì thường. Vả lại, chẳng do ấm này mà có ấm sau, đây là nghĩa đoạn hai, chứ chẳng phải bao gồm cả năm câu, tức chẳng phải đây làm kia chịu, nghĩa là chẳng phải ấm này tạo nghiệp ấm kia chịu quả. Hà Tây cho rằng: Người làm trời chịu thì có nhân mà không có quả, có quả mà không có nhân, có quả không nhân thì là thường kiến, có nhân không có quả là đoạn kiến. Lẽ ra cũng có câu “kia làm đây chịu”, nhưng không ghi, vì có thể tự hiểu; ba, là kia làm kia chịu thì đồng nghĩa với câu thứ nhất. Câu bốn không làm không chịu tức không có nhân quả, thế thì chẳng đúng. Thời tiết hòa hợp là câu thứ năm.

Từ câu: “Phật tánh của chúng sinh v.v...” trở xuống là hợp dụ. Đầu tiên là hợp với câu thứ sáu là tạo nghiệp.

Chỉ hợp với năm câu, chẳng hợp với câu “chẳng phải không có nhân mà sinh ra”. Đầu tiên là hợp với câu năm, kế là chẳng phải trong chẳng phải ngoài hợp với cặp thứ nhất, chẳng phải có chẳng phải không hợp với cặp thứ hai.

Từ câu: “Chẳng phải đây chẳng phải kia v.v...” hợp với câu thứ hai “Có tu sẽ được tướng cảm quả”.

Trước có năm câu. Ở đây hợp đủ. Đầu tiên nói chẳng phải đây là hợp với câu “chẳng phải đây làm đây chịu”, chẳng kia là hợp với câu “Chẳng phải kia làm kia chịu”, câu “chẳng phải từ nơi khác đến” là hợp với câu: “chẳng phải đây làm kia chịu”, câu “chẳng phải không có nhân duyên” là hợp với câu: “không làm không chịu”. Câu: “chẳng phải tất cả chúng sinh v.v...” trở xuống là hợp với câu: “do thời tiết hòa hợp mà có”.

Từ câu: “Này Thiện nam! v.v...” trở xuống là trả lời câu hỏi thứ ba, ở trước hỏi đáp có pháp dụ, ở đây chỉ đáp về dụ, đầu tiên bác bỏ ngược lại câu hỏi, kế là đáp. Thứ nhất là bác bỏ ngược lại câu: Nam châm chẳng thể hút sắt.

Từ câu: “Vì sao?” v.v... trở xuống là giải thích chẳng hút. vẫn có hai là giải thích và nêu dụ.

Đá nam châm không có tâm thức thì đâu thể hút lấy, như hoa quỳ hoa hoắc vô tâm mà vẫn hướng về phía mặt trời hoặc Đông hoặc Tây. Cây chuối không có tai, nhưng khi có tiếng sấm thì bể bắp. Đó đều là do dị pháp mà sinh ra, luôn thuận theo, luôn nghe nhận. Như hổ phách hút lấy hạt cải cũng như thế, đâu thể so sánh các vật này đồng như Phật tánh? Nay giải thích dị pháp sinh ra, dị pháp hoại diệt: Vì dị pháp có nên dị pháp sinh ra, các pháp đều do nhân duyên mà khởi, nhân duyên đối với các pháp gọi là dị, có dị nhân duyên thì liền có các pháp, vì thế nói là dị pháp có nên dị pháp sinh ra, như nước và đất là duyên của mầm; mầm và nước đất đâu bao giờ có tâm để hiểu nhau việc sinh ra pháp mà nói rằng: “Ta cho người sinh, người hãy thọ sinh”. Chỉ có dị duyên này thì mầm mới sinh, cũng như do nhân duyên của nước mà lửa tắt; nước lửa cũng chẳng hiểu với nhau rằng: “Ta sinh người diệt”!

Nêu hoa quỳ, hoa hoắc xoay về hướng Đông, hướng Tây tùy theo mặt trời, há là có tâm ư? Cho nên vì dụ mà lập dụ; nêu lên năm dụ.

Từ câu: “Nam châm v.v...” là thứ hai, trước dùng dụ hợp với dụ.

Từ câu: “Phật tánh của chúng sinh” v.v... trở xuống là hợp với pháp được dụ tức là Phật tánh. Vẫn có ba: Một là nói nhân chẳng hút quả; hai là nói Phật tánh không có trụ xứ; ba là nói rộng về Phật tánh. Vẫn thứ nhất lại có ba: Một là hợp dụ nam châm.

Kế là nêu mười hai nhân duyên, nói lên ý nghĩa không hút.

Vô minh là nhân, các hành là quả, cho đến sinh là nhân, tử là quả, vô minh đâu có hút giữ các hành? Cũng như Phật tánh chẳng thể hút lấy Bồ-đề.

Thứ ba, Từ câu: “Có Phật v.v...” trở xuống là chính thức hiển bày không hút.

Từ câu: “Nếu nói v.v...” trở xuống là nói Phật tánh không có chỗ ở, gồm có pháp, dụ và hợp. Pháp thuyết như văn kinh rất dễ thấy.

Kế là nêu Như Lai để hợp dụ.

Như Lai là nêu mặt hiển bày, Phật tánh là nêu mặt ẩn mật.

Kế là hợp dụ.

Từ câu: “Thí như bốn giai được v.v...” trở xuống là nói rộng về

Phật tánh; văn có bốn đoạn: một, là nói về chẳng phải sẽ có, hiện có mà nói về sẽ có; hai, là nói chẳng tức chẳng lìa; ba, là phân biệt tà chánh; bốn, là nói rộng về Thể tánh. Thứ nhất, nói chẳng phải sẽ có, hiện có, nhưng y cứ theo chúng sinh sẽ được, nên nói sẽ có. Gồm dụ và hợp.

Bốn đại không có nghiệp, có công năng vơi lấy địa đại, cũng lại có một nghiệp có công năng vơi lấy hỏa đại. Hai đại kia cũng như thế. Chỉ do nghiệp duyên nghe mà đồng cảm được. Phật tánh cũng như thế, thời đến thì liền hiện, cho nên lấy bốn đại làm dụ. Dụ nói có nhẹ nặng, tức gió và lửa nhẹ, đất và nước nặng. Lại nói đỏ, trắng, vàng, đen, đây là phối hợp bốn đại với bốn màu, trong đó lửa thì đỏ, gió thì trắng, đất thì vàng, nước thì đen. Nếu phối hợp với năm hành thì: Hỏa đỏ, Kim trắng, Thủy đen, Thổ (địa) vàng, Mộc xanh. Lại trong Tiểu thừa nói gió không có màu sắc, Đại thừa nói gió có màu sắc. Trong Năm hành thì Kim thuộc màu trắng vị ở hướng Tây, chủ vị là màu trắng, hơi thu; Hơi thu màu trắng, gió thu lạnh, buồn hiu hắt nên phối hợp gió với màu trắng, chưa rõ thế nào?

Hợp như văn kinh ghi.

Từ câu: “Thi như có vị vua v.v...” trở xuống là nói Phật tánh chẳng tức chẳng lìa. Văn có dụ và hợp.

Nói lại phục căn, Nhĩ Nhã gọi là lô phục, họ Quách chú thích là là bậc, đúng là la bậc (củ cải), là bậc căn, tức là củ cải.

Dẫn voi đến chỉ cho người mù, có người dùng một còn một mắt để giải thích. Đầu, chân v.v... đều chẳng phải là voi, mắt, không lìa đầu, chân, v.v..., là voi còn, Phật tánh cũng chẳng phải sáu pháp mắt; ngoài sáu pháp cũng chẳng có Phật tánh riêng, lại dùng sáu pháp là còn. Giải thích như thế thì chẳng lìa hai câu tức và lìa, đừng nói gì đến bất bốn câu, lìa trăm lỗi?

Văn này có hai lần bác bỏ tức và lìa. Chẳng phải đầu, chân v.v... là voi, đây là bác bỏ tức, lìa đầu chân thì không có voi nào khác là bác bỏ lìa: Trong đầu chân v.v... đã chẳng phải voi thì chẳng thể tức, ngoài đầu chân v.v... lại không có voi nào khác, thì chẳng thể lìa. Chẳng tức, chẳng lìa, chẳng trong, chẳng ngoài, mà lại gọi là Voi; Phật tánh của chúng sinh cũng như thế chẳng phải tức sáu pháp, chẳng phải lìa sáu pháp, chẳng phải trong chẳng phải ngoài nên gọi là Trung đạo, gọi là Phật tánh. Nếu chấp sáu pháp là Phật tánh thì đó là Phật tánh như người mù sờ voi; nếu lìa sáu pháp mà có Phật tánh thì như chỉ hư không cho là Phật tánh, như các Bà-la-môn phủ bóng kinh Đại thừa bị vua Tiên Dự giết chết; nếu chứng Trung đạo chẳng tức chẳng lìa là Phật tánh, thì

thấy Phật tánh như vị quan có trí tuệ của vua. Nếu đạt được ý chẳng tức chẳng lìa, thì tất cả các pháp xúc phạm đều là Phật tánh. Bốn Tâm vô lượng và sáu Độ v.v... cũng giống như thế.

Hợp dụ có hai: Thứ nhất là hợp chung.

Từ câu: “Các chúng sinh này v.v...” trở xuống là hợp riêng. Văn có ba: một, là chánh hợp; hai, là lại nêu các người mù bầm sinh để hợp; ba, là kết luận. Chánh hợp có sáu, mỗi pháp đều có ba là sáu hợp pháp, nêu dụ hợp và kết luận, tất cả đều như văn kinh có nói.

Từ câu: “Có các ngoại đạo v.v...” trở xuống là đoạn ba, phân biệt Tà chánh. Văn có hai: Trước phân biệt tà ngã là chẳng đúng.

Ngoại đạo chấp trước, hoặc nói là thường hằng cùng khắp, hoặc là chấp như hạt cải, đều có tà chấp.

Kế là nói về chánh ngã. Trước nói giả Ngã, sau nói chân Ngã. Nói giả Ngã có hai: Một là nói pháp.

Kế là dụ, gồm có sáu dụ, trong đó dụ thứ nhất và dụ thứ sáu có hợp, bốn dụ kia không có văn hợp. Khai Thiện cho rằng giả danh có dụng, có danh mà không có thể. Trang Nghiêm cho rằng danh, dụng, thể đều có. Hai ý này đều chẳng đúng. Nếu có danh, dụng, thể thì đâu thể cho là giả; Khai Thiện tuy nói không có thể, nhưng lại có danh và dụng thì cũng chẳng phải Giả. Các sư Trung Quán dẫn Trung Luận: “Vô ngã và Vô vô ngã”. Vô ngã phá thường, Vô vô ngã phá đoạn, cũng phá cả tức và Lìa. Vì phá các nghĩa này nên nói ngã và vô ngã. Tuy nói ngã và vô ngã nhưng đều là giả danh, nên văn kinh nêu sáu dụ để dụ cho giả ngã.

Từ câu: “Như Lai v.v...” trở xuống là nói về chân ngã.

Chân ngã này để đối phó với nói dối. Nếu rất ráo thanh tịnh tức là vô ngã, vô vô ngã thì lẽ ra chúng sinh cũng được chân ngã này.

Từ câu: “Đại từ đại bi v.v...” trở xuống là đoạn thứ tư, nói rộng về Phật tánh. Văn có ba: Một là nói về Phật tánh, có tám phen; hai là từ câu: “Như ta nói v.v...” trở xuống là kết luận sẽ được; ba là từ câu: “Nếu ta nói v.v...” trở xuống là kết luận chẳng phải năm ấm.

Nói năng lực thứ tư, có người cho rằng đó là căn lực thứ tư trong mười lực, có công năng biết được căn duyên của chúng sinh, là pháp quan trọng cần phải có để hóa đạo. Có người cho rằng có một danh giáo khác đó là: một, tín tuệ, hai là nhẫn lực, ba là lực định, bốn là thiện quyền lực. Có thiện quyền lực thì thuận tiện cho việc hóa đạo nên nói là năng lực thứ tư.

Phen thứ sáu nói mười hai nhân duyên là Phật tánh, có hai cách

giải đều chẳng hợp: Một là cho rằng mười hai nhân duyên là Trí quán, vậy đâu được nói là có tánh cảnh giới; hai cho rằng đó là quả tánh; cũng chẳng thể được. Nay nói rằng mười hai nhân duyên tức Phật tánh, sẽ có chỗ giải thích riêng v.v... Hai phen trên đã nói, tất cả chúng sinh chắc chắn sẽ được các pháp ấy, nên ta nói tất cả chúng sinh đều có Phật tánh.

Từ câu: “Nếu các chúng sinh v.v...” trở xuống là đoạn hai, tổng kết đáp các câu hỏi trước. Văn có ba: Một là kết luận câu hỏi về chẳng cần tu tập Thánh đạo.

Kế là từ câu: “Nếu các chúng sinh v.v...” trở xuống là kết luận khuyên bảo.

Thứ ba là từ câu: “Phật tánh v.v...” trở xuống là kết luận khen ngợi; văn có hai: Thứ nhất Đức Phật khen ngợi.

Kế là Bồ-tát Sư Tử Hống khen ngợi.

Từ câu: “Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là nói về người thấy Phật tánh mà khuyên tu, gồm có hỏi và đáp.

Phật đáp có ba ý: Một là thử xét tâm mình, hai là vì chúng sinh mà chịu khổ, ba là dùng sáu Độ giáo hóa người. Ý thứ nhất là tự hành, hai ý sau là hóa tha.

Đầu tiên nói tự thử nghiệm, là vì hạnh còn cạn mỏng, khi sâu thì chẳng cần phải thử. Chử Hòa mọi người thường đọc âm Hòa, thì chẳng đúng, hoặc đọc là Lê, hoặc đọc là hòa, tìm kỹ thì không có chữ này.

Từ câu: “Bồ-tát vì phá v.v...” trở xuống là nói vì chúng sinh mà chịu khổ.

Từ câu: “Lại nữa v.v...” trở xuống là đoạn ba, nói về sáu Độ hóa tha.

Từ câu: “Bồ-tát Ma-ha-tát v.v...” trở xuống là đoạn lớn thứ hai của phẩm này là khen ngợi giáo. Văn có ba phần, một là khen người mở rộng kinh, tức Bồ-tát, hai là khen pháp được mở rộng, phải do người; giáo chẳng tự nêu ra mà phải do Phật, nên làm nhân cho nhau mà khen ngợi, đó cũng là khen ngợi Tam bảo.

Văn thứ nhất có hai: Trước lược khen ngợi chung, kế là giải thích rộng. Đầu tiên lại có hai ý: một là khen ngợi chúng Bồ-tát, kế là khen ngợi các Bồ-tát Bồ xứ khổ nhọc, siêng năng làm lợi ích chúng sinh. Vì chỉ có Bồ-tát Bồ xứ mới tiếp nối Phật vị, nên khen ngợi riêng.

Đầu tiên có chín phen khen ngợi chung, như kinh có ghi.

Kế là từ câu: “Bồ-tát v.v...” trở xuống là khen ngợi riêng, có bảy phen.

Nói ba điều cao quý, nghĩa là trong các tầng trời cõi Dục thì các vị trời cõi trời này có tuổi thọ nhất định; trong cõi người thì người ở cõi Uất-đơn-việt có tuổi thọ nhất định; nếu cộng thêm Phạm thiên thì thành bảy tầng trời, cõi Đâu-suất ở giữa.

Từ câu: “Này Thiện nam! v.v...” trở xuống là khen ngợi kinh, gồm có hai đoạn. Trước khen ngợi, sau là phân biệt, vẫn khen ngợi có ba là pháp, dụ và hợp.

Nói sâu khó đến đáy, có người giải thích rằng: Nếu nói theo chiều dọc thì chỉ là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, chẳng thể có vô thường, khổ. Nếu nói theo chiều ngang thì đầy đủ thường, vô thường, v.v... cho nên nói sâu khó đạt đến đáy. Cách giải thích này chẳng đúng; kinh chỉ nói sâu thì đâu được giải thích đơn lẻ. Nay cho rằng: Thường, vô thường, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng phải một chẳng phải ba, chẳng thể nghĩ bàn, cho nên nói là sâu.

Kế là hợp dụ, như văn kinh.

Từ câu: “Bồ-tát Sư Tử Hống bạch v.v...” trở xuống, gồm hai khoa, có hỏi và đáp.

Hỏi rằng trước nói sâu khó đạt đến đáy là do chẳng sinh chẳng diệt, vì sao chẳng có ba thứ sinh, mà chỉ có một thứ sinh?

Phật đáp: Đầu tiên nói chung chẳng làm thân noãn sinh và thấp sinh.

Kế là, nói riêng chẳng thọ hóa sinh.

Từ câu: “Bấy giờ, Bồ-tát Sư Tử Hống v.v...” trở xuống là nói ba bài kệ khen ngợi chủ nói kinh; gồm có bốn mươi câu:

1. Hai câu đầu là xin được nói kệ.
2. Ba mươi bảy câu chính thức khen ngợi.
3. Một hàng kết luận.

